TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 89/2019/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 9 năm 2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cầm Văn Tổ

2. Ông Nguyễn Đức Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huế – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2019 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXX-ST ngày 09 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Chu Anh T. Sinh năm: 1990. Địa chỉ: X, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị G. Sinh năm: 1994. Trú tại: X, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 7 năn 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị anh Chu Anh T trình bày như sau:

Anh và chị Nguyễn Thị G kết hôn với nhau từ năm 2015 do cả hai cùng tự nguyện. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 19/11/2015. Anh chị được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được thời gian gần 3 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Cụ thể khoảng tháng 6 năm 2018 anh chị chuyển ra ở riêng và được bố mẹ anh T đầu tư vốn kinh

doanh, tuy nhiên chị G không tu trí làm ăn mà ham chơi, thường xuyên tụ tập bạn bè đi chơi xa vài ngày nói dối chồng và gia đình. Mâu thuẫn đỉnh điểm khoảng tháng 11 năm 2018 khi anh T kiểm kê sổ sách có thấy thất thoát một khoản tiền. Anh T có đề nghị chị G làm rõ khoản tiền thất thoát đó chị G chi vào nội dung gì nhưng chị G không thể giải trình. Mâu thuẫn kéo dài làm tình cảm đôi bên rạn nứt, anh T mất niềm tin đối với chị G. Gia đình hai bên đã cùng nhau khuyên bảo và hòa giải cho anh chị nhưng không thành. Chị G bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống từ ngày 22/12/2018 sau đó đi khỏi địa phương. Anh T không biết chị G hiện đang ở đâu, cũng không liên lạc được với chị G. Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị G được ly hôn.

Về con chung: Anh chị không có con chung.

Về tài sản chung của vợ chồng: Anh chị không có tài sản chung.

Về nợ chung: Anh chị không có nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/7/2019, chị Nguyễn Thị G trình bày:

Chị và anh Chu Anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2015 và đăng ký kết hôn tại UBND xã Cò Nòi, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/11/2015. Anh chị được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống và nhập khẩu vào khẩu bố mẹ đẻ anh T tại X, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc đến khi anh chị ra ở riêng, làm ăn riêng thì mâu thuẫn bắt đầu sảy ra. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, anh T không tu trí làm ăn, khi chị G góp ý thì bị anh T chửi bới, đánh đập nhiều lần. Cuối tháng 11 năm 2018 chị G về nhà mẹ đẻ sinh sống tại tiểu khu 14, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Hai bên gia đình đã nói chuyện với nhau và anh T cũng có xuống nhà để đón chị G quay về tuy nhiên anh T không hề thay đổi, hai bên vẫn thường xuyên cãi vã, xô sát với nhau. Chị G về Hà Nội làm việc, từ đó anh chị không gặp cũng không liên lạc gì với nhau. Chị xác định tình cảm không còn, đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của anh T. Về con chung, tài sản chung, nợ chung đều không có.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn tống đạt thông báo thụ lý và giấy triệu tập nhưng chị G không đến tòa và cũng không thông báo địa chỉ cho anh T hay gia đình biết nhằm mục đích giấu địa chỉ. Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn đã tiến hành niêm yết công khai tại nơi cư trú và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng (cụ thể: Đăng tin trên 03 số liên tiếp trên Báo Công lý và trên Đài tiếng nói Việt Nam). Trong thời gian đăng tin chị G trở về và có ý kiến đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt chị G. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham

gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đường lối giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà ngày hôm nay bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX quyết định: Áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 228; Điều 147; Điều 266; Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Chu Anh T đối với chị Nguyễn Thị G. Về con chung: Không có. Về tài sản, nợ chung: Không có. Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ngày 15/7/2019, anh Chu Anh T có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với chị Nguyễn Thị G. Anh chị cùng có hộ khẩu thường trú và cùng cư trú tại X, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án Hôn nhân gia đình số 121/TLST-HNGĐ ngày 17/7/2019 với quan hệ pháp luật tranh chấp xin ly hôn là đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với chị Nguyễn Thị G trong việc tham gia các buổi làm việc tại tòa án. Tại biên bản ghi lời khai ngày 09/9/2019, chị G có ý kiến đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đối với chị. Do vậy, tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự và vụ án được đưa ra xét xử vắng mặt chị G là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Anh Chu Anh T và chị Nguyễn Thị G tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2015, anh chị đã được UBND xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/11/2015. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn hai anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn gần 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng anh chị không thống nhất được về vấn đề kinh tế trong gia đình. Anh chị cho rằng đối phương không chịu làm ăn, thích tụ tập ham chơi. Anh T cho rằng chị G thường xuyên nói dối anh và gia đình để đi chơi với bạn bè, tiêu lạm vào một số tiền làm ăn lớn của gia đình. Anh chị kết hôn đã lâu nhưng vẫn chưa có con, chị G cũng không quan tâm đến sức khỏe sinh sản của bản thân. Từ đó khiến anh không còn tin tưởng chị G. Về phía chị G cho rằng anh T mải chơi, không chịu làm ăn, giữa vợ chồng thường xuyên sảy ra cãi vã, xô sát. Anh T nhiều lần đánh chị. Sự việc có được hai bên gia đình can thiệp hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Anh T và chị G bắt đầu sống ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Cả hai anh chị đều mong muốn tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị G mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T, xử cho anh T được ly hôn với chị G.

[2.2] Về con chung: Anh chị không có con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh T và chị G đều xác nhận không có tài sản chung và nợ chung và không đề nghị tòa án xem xét, giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

[2.4] Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 228; Điều 147; Điều 266; Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Chu Anh T và chị Nguyễn Thị G.

2. Về con chung: Anh T và chị G không có con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị G đều xác nhận không có tài sản chung, nợ chung và không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

4. Về án phí: Anh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003224 ngày 17 tháng 7 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã Cò Nòi;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thanh Nga